

ĐỌC SÁCH:**Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ***

Cuốn sách của Pierre Gourou nghiên cứu về châu thổ sông Hồng, một châu thổ vào loại đông dân nhất thế giới, cái nôi của nền văn minh Việt Nam, là một tác phẩm đặc sắc nghiên cứu về địa lý nhân văn. Mặc dù được xuất bản từ các năm 30 của thế kỷ trước, nhưng đến nay sau hơn 70 năm nó vẫn còn mang tính thời sự. Vì mặc dù đã có nhiều biến đổi về chính trị, kinh tế và xã hội ở vùng đất này, nhưng những nét cơ bản và những vấn đề vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Nhưng tiếc rằng rất nhiều nhà nghiên cứu và độc giả Việt Nam lại không biết đến công trình này, một phần vì cuốn sách chỉ còn ở một vài thư viện, một phần vì hiện nay còn ít người đọc được chữ Pháp. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng việc xuất bản bản dịch của cuốn sách này vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà địa lý nổi tiếng người Pháp có lẽ là một hành động có ý nghĩa nhất để nhớ đến nhà nghiên cứu xuất sắc này.

Vài chục năm gần đây, việc nghiên cứu về nông thôn, về nông dân đã trở thành một lĩnh vực thu hút sự chú ý của nhiều môn học kinh tế - xã hội, nhất là sau khi các tác phẩm của nhà kinh tế học Nga A. Tchaianov được dịch ra tiếng Anh. Một môn học mới gọi là nông dân học (Peasant studies) với nhiều tạp chí quốc tế đã xuất hiện.

Với sự xuất hiện của lý thuyết hệ thống các môn học mới, như hệ thống nông nghiệp, sinh thái học nhân văn, sinh thái học nông nghiệp, chúng đã dần dần trở thành những môn học bắt buộc ở các trường đại học. Sự ra đời của các môn học đó sẽ tạo nên cơ sở lý luận cho việc phát triển nông thôn, một hoạt động rất thời sự hiện nay.

Đặc biệt trong thời gian gần đây sự phát triển nông nghiệp của các nước tư bản chủ nghĩa châu Âu và của các nước đang phát triển, sau những biến đổi ở nông thôn các nước xã hội chủ nghĩa, thì mô hình nông nghiệp gia đình đã chứng tỏ là mô

* PIERRE GOUROU: *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 5.2003, Khổ 16 x 24 cm, 599 tr.

hình có ưu thế nhất, hơn hẳn các mô hình nông nghiệp quy mô lớn dùng lao động làm thuê hay lao động tập thể. Mô hình nông nghiệp gia đình là một thành tựu lớn nhất của thế kỷ XX. Do đây việc nghiên cứu về kinh tế gia đình nông dân với các quy luật riêng biệt của nó do A.Tchaianov phát hiện, đã trở thành một đề tài hấp dẫn nhiều nhà khoa học.

Cuốn sách của Pierre Gourou chính là con én báo hiệu các sự kiện trên, vì đây là một công trình nghiên cứu đầu tiên về nông dân học, về nông nghiệp gia đình và về hệ thống nông nghiệp. Có lẽ tất cả các môn học nói trên phải coi Pierre Gourou là người tiên phong cho môn học của mình.

Điều thú vị là trong cuốn sách của mình Pierre Gourou có dự báo về tình hình của châu thổ sông Hồng vào cuối thế kỷ: "Nếu người ta chấp nhận một suất dư là 15 trên 1.000 thì dân số châu thổ Bắc kỳ sẽ là 13.000.000 nhân khẩu vào năm 1984. Chúng tôi tin rằng số dư thực phải giữ mức giữa 10 và 15 trên 1.000 và nếu như không gì làm biến đổi tiến độ của sự khai triển thì dân số vùng châu thổ sẽ lên tới 13.000.000 giữa năm 1984 và 2001.

Như vậy, mật độ trung bình của dân số sẽ gấp đôi mật độ hiện nay: nó sẽ ở mức 860 khẩu trên một cây số vuông. Một tình huống như thế dường như không tưởng tượng được và dường như không thể được đối với vùng châu thổ vốn dĩ hiện nay đang không nuôi được đầy đủ 430 người trên một cây số vuông, làm sao mà lại có thể cung cấp cho những nhu cầu của một dân số đông gấp đôi".

Trong thực tế vào các năm 30 của thế kỷ XX, lúc Pierre Gourou viết cuốn sách này, thì dân số châu thổ sông Hồng chỉ mới có 430 người/km², vào cuối thế kỷ mật độ dân số đã tăng lên 947 người/km², tức là đã tăng lên 2,2 lần. Dự báo về tăng dân số gần đúng nhưng mỗi lo của Pierre Gourou lại không xảy ra, vì châu thổ sông Hồng không những giải quyết được đủ ăn mà còn dư thừa một ít để xuất khẩu.

Sự tiến hóa của châu thổ sông Hồng trong hơn 70 năm qua

	Dân số nông thôn (triệu người)	Đất canh tác và cây lâu năm		Sản lượng lương thực		Năng suất lương thực (tấn/ha)
		triệu ha	m ² /người	1.000 tấn	kg/ha	
1930	6,5	1,2	1846	1,8	277	1,5
1998	14,2	0,783	551	6,2	439	4,4
Tăng (% năm)	1,1	-0,6	-1,8	1,8	0,7	1,6

Sở dĩ châu thổ sông Hồng đã giải quyết được vấn đề sản xuất nông nghiệp của mình là vì đã làm theo lời khuyên của Pierre Gourou: "Tóm lại, công việc bổ ích nhất đối với nông dân sẽ là đình chỉ sự phát triển của sở hữu lớn và thậm chí xóa bỏ những sở hữu lớn đang tồn tại, nếu cân bằng những đạo luật về ruộng đất nhằm tránh cho những nguồn lợi nghèo nàn của người nông dân trên mảnh đất quá nhỏ bé còn bị thu hẹp lại hơn nữa bởi việc phải nộp tô" (trang 577). Như vậy, là châu thổ

sông Hồng sau khi đã thử nhiều mô hình sản xuất khác nhau đã quay về với nền kinh tế gia đình nông dân và giải quyết được việc phát triển một cách xuất sắc.

Tuy vậy, vấn đề dư thừa lao động mà Pierre Gourou lo lắng hơn 70 năm trước, ngày nay càng trở thành nghiêm trọng và là một thách thức cho sự phát triển trong tương lai của đồng bằng Bắc Bộ. Trong cuốn sách này tác giả đã mô tả giải pháp cho việc thừa lao động này bằng cách phát triển một nền công nghiệp nông thôn vốn "không hợp lý và phân phối không lô gích". Tình trạng ấy hiện nay cũng chưa thay đổi mấy mặc dù về quy mô có lớn mạnh hơn nhiều. Đây là một vấn đề hiện nay đang được quan tâm nhất ở châu thổ sông Hồng. Các tài liệu về vấn đề đó được trình bày trong cuốn sách sẽ giúp cho việc tìm cách để giải quyết vấn đề phức tạp của chúng ta hiện nay.

ĐÀO THẾ TUẤN

HIV/ AIDS tại nơi làm việc: Hiểu biết, chính sách và vai trò của phúc lợi doanh nghiệp¹

Thập niên 90 là thời kỳ dịch HIV/AIDS vào Việt Nam và âm thầm lan truyền trong cộng đồng dân cư. Những hoạt động can thiệp sớm và tương đối hiệu quả trong suốt thời gian qua đã góp phần ngăn chặn bước tiến của nạn dịch này ở Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn cần có những nỗ lực mới để đảm bảo kiểm soát được nạn dịch.

Cuốn sách là kết quả của một nghiên cứu đánh giá do Viện Xã hội học tiến hành với sự hỗ trợ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Cuốn sách đặt mục tiêu xem xét, đánh giá xã hội về các nhu cầu đối với chính sách và những can thiệp hiện có cũng như tiềm tàng về AIDS ở nơi làm việc. Điều này giúp cung cấp dữ liệu, thông tin, và sự hiểu biết, đặc biệt theo phương thức "từ dưới lên".

Nội dung sách được chia thành bốn phần.

Phần thứ nhất đề cập đến phương pháp luận của cuộc nghiên cứu. Trong phần này, mục tiêu, kỹ thuật nghiên cứu, địa bàn khảo sát, các chủ đề nghiên cứu

¹ Bùi Thế Cường (Chủ biên), *HIV/AIDS tại nơi làm việc: Hiểu biết, chính sách và vai trò của phúc lợi doanh nghiệp*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2003.

được các tác giả trình bày ngắn gọn, rõ ràng. Cấu trúc của cuốn sách cũng được đưa vào giúp bạn đọc tiện theo dõi.

Phần thứ hai phân tích về chính sách xã hội trong doanh nghiệp. Đây chính là bối cảnh chung để hiểu được các khía cạnh liên quan đến các hoạt động phòng tránh HIV/AIDS trong doanh nghiệp. Phần này bắt đầu bằng việc mô tả những đặc điểm cơ bản của các doanh nghiệp thuộc mẫu khảo sát. Đây cũng là những đặc điểm ít nhiều có ảnh hưởng đến lĩnh vực HIV/AIDS mà các tác giả tập trung nghiên cứu. Tiếp đến, các tác giả trình bày ba lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động can thiệp phòng tránh HIV/AIDS. Đó là chính sách sức khỏe, phúc lợi doanh nghiệp và đời sống xã hội của doanh nghiệp. Phần thứ hai kết thúc bằng việc đề cập đến các định chế xã hội trong doanh nghiệp. Mục tiêu của nhóm tác giả trong phần này là tìm hiểu và làm sáng tỏ cấu trúc, sự vận hành của guồng máy chính sách xã hội của các doanh nghiệp. Các tác giả nhận định rằng chính guồng máy này sẽ đảm nhiệm những chương trình can thiệp trong tương lai.

Phần thứ ba dành cho việc trình bày những khía cạnh cơ bản liên quan đến HIV/AIDS trong doanh nghiệp. Trước hết, phần này đề cập đến một số khía cạnh liên quan đến kiến thức, thái độ và thực tiễn (KAP) hoạt động phòng tránh HIV/AIDS ở người lao động và cán bộ quản lý (bao gồm lãnh đạo, cán bộ y tế và công đoàn) trong doanh nghiệp. Trên cơ sở xác định KAP của người lao động và KAP của người quản lý, các tác giả rút ra một số điểm khác biệt giữa doanh nghiệp có dự án quốc tế và doanh nghiệp đã có dự án quốc tế, khác biệt giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Tiếp theo, nhóm nghiên cứu thảo luận về các chủ đề chính sách, hoạt động truyền thông, vai trò của công đoàn cấp trên doanh nghiệp, đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia và đóng góp cho chương trình can thiệp phòng tránh HIV/AIDS trong doanh nghiệp.

Phần cuối cùng dành cho việc trình bày các khuyến nghị với mong muốn đóng góp cho chiến lược mới. Các tác giả chỉ ra rằng hiện nay kiến thức về HIV/AIDS trong doanh nghiệp mới chỉ ở mức căn bản, chưa thật đầy đủ và chi tiết; nhìn nhận về AIDS vẫn còn gắn với những vấn đề đạo đức và tệ nạn xã hội, hình ảnh về AIDS vẫn là một cái gì đó “khủng khiếp”, “đáng xa lánh”. Từ thực tế đó, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất liên quan đến văn hóa phúc lợi và thái độ đối với HIV/AIDS. Cộng đồng và gia đình công nhân viên cũng là yếu tố tích cực thúc đẩy hoạt động phòng chống AIDS trong doanh nghiệp. Thực tế cho thấy nếu Nhà nước chỉ ra các chính sách liên quan đến hoạt động phòng chống AIDS thôi chưa đủ, mà còn cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng dân cư và chú ý đến truyền thông trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đều có nhu cầu về tư vấn, thông tin và tri thức cần thiết để phòng tránh HIV/AIDS. Đáng tiếc là công tác truyền thông hiện nay vẫn đi theo lối mòn, thiếu sáng kiến, cải tiến phù hợp với đặc điểm của từng doanh nghiệp.

Các tác giả đúc kết bài học mà một số doanh nghiệp đã áp dụng thành công là: lãnh đạo doanh nghiệp nhận thức được tầm quan trọng của chương trình; có cán bộ chuyên trách nhiệt tình và am hiểu công việc; có một hệ thống và mạng lưới chương trình; sự tác động của Nhà nước thông qua chính sách và tài chính; hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của NGO quốc tế.

Nhóm tác giả nhận định điểm then chốt hiện nay của Chương trình phòng tránh HIV/AIDS trong doanh nghiệp là thành lập một tổ chức của cộng đồng doanh nghiệp trong phòng chống HIV/AIDS để họ đoàn kết thành một khối vững chắc, tăng khả năng thành công của Chương trình. Dựa trên cuộc khảo sát cũng như xuất phát từ kinh nghiệm nghiên cứu, các tác giả đưa ra hai phương án khả thi để tổ chức thực hiện Chương trình phòng tránh HIV/AIDS trong doanh nghiệp.

Có thể nói cuốn sách là một tài liệu bổ ích không chỉ đối với các chuyên gia trong lĩnh vực HIV/AIDS mà còn thiết thực đối với cộng đồng doanh nghiệp trong hoạt động phòng chống AIDS ở nơi làm việc. Bằng việc vẽ nên một bức tranh về hoạt động phòng tránh HIV/AIDS trong doanh nghiệp và từ đó đưa ra những khuyến nghị có tính khả thi, cuốn chuyên khảo này đem lại một triển vọng lớn đối với chiến dịch phòng chống AIDS quốc gia.

MỸ PHƯƠNG

Giới thiệu luận văn Thạc sĩ Xã hội học

κ Tên luận văn: **“Phụ nữ nghèo đô thị”** (Nghiên cứu trường hợp năm phụ nữ nghèo tại thành phố Hồ Chí Minh)

Của học viên: Huỳnh Thị Tuyết Nga

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Bùi Thế Cường

Mục đích nghiên cứu:

Góp phần hiểu rõ và sâu sắc hơn về thực trạng, nguyên nhân nghèo của người phụ nữ nghèo đô thị ở thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất các giải pháp nhằm xóa đói, giảm nghèo.

Nhiệm vụ của luận văn:

- Làm rõ cơ sở lý luận của vấn đề nghèo nói chung và phụ nữ nghèo nói riêng.
- Nghiên cứu thực trạng phụ nữ nghèo ở thành phố Hồ Chí Minh, làm rõ hoàn cảnh và nguồn gốc xã hội của phụ nữ nghèo.
- Phác họa chân dung xã hội phụ nữ nghèo tại 2 phường ở thành phố Hồ Chí Minh, phân tích sự ảnh hưởng của biến đổi xã hội theo các mốc thời gian đã tác động đến mọi mặt đời sống của những phụ nữ này.
- Đề xuất những giải pháp giảm nghèo đối với phụ nữ nghèo thành phố.

Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu lý thuyết: luận văn sử dụng nhân quan xã hội học mác xít. Xem xét, giải quyết vấn đề phụ nữ nghèo đô thị gắn liền với quá trình đổi mới toàn diện đất nước, gắn với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Luận văn cũng dựa vào các lý thuyết và quan điểm xã hội học: phân tầng xã hội, biến đổi xã hội, hành động xã hội, lý thuyết nhóm và lý thuyết giới để nghiên cứu.

Nghiên cứu thực tiễn: sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu cấp hai, phương pháp nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu tiểu sử, phương pháp thu thập và phân tích thông tin chủ yếu bằng quan sát, phỏng vấn, tâm sự....

Cấu trúc của luận văn gồm 3 phần:

Phần I: Phần mở đầu

Trong phần này, tác giả trình bày các vấn đề như tính cấp thiết của đề tài, tình hình nghiên cứu, mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, giả thuyết và khung lý thuyết, mẫu và kỹ thuật thu thập thông tin.

Phần II: Phần nội dung gồm 3 chương

- Chương I: Một số vấn đề lý luận về nghèo và phụ nữ nghèo đô thị
- Chương II: Nghèo ở Việt Nam và thành phố Hồ Chí Minh
- Chương III: Phụ nữ nghèo ở thành phố Hồ Chí Minh: nghiên cứu 5 trường hợp.

Phần III: Kết luận và khuyến nghị.

Luận văn bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Cơ sở đào tạo Sau đại học, Viện Xã hội học, ngày 30 tháng 6 năm 2003

κ Tên luận văn: **Tìm hiểu nhu cầu thông tin về sức khỏe sinh sản vị thành niên qua nghiên cứu thư gửi về chương trình "Cửa sổ tình yêu", Đài tiếng nói Việt Nam**

Của học viên: Nguyễn Thị Tuyết Minh

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Mai Quỳnh Nam

Mục đích nghiên cứu:

- Tìm hiểu nhu cầu thông tin về sức khỏe sinh sản vị thành niên thông qua nghiên cứu thư của thính giả gửi về chương trình "Cửa sổ tình yêu", Ban phát thanh thanh thiếu niên, Đài tiếng nói Việt Nam.

- Chỉ ra được vai trò của chương trình "Cửa sổ tình yêu" trong việc đáp ứng nhu cầu thông tin về sức khỏe sinh sản vị thành niên.

- Đề xuất một số khuyến nghị về giải pháp nhằm thúc đẩy hiệu quả truyền thông của chương trình "Cửa sổ tình yêu" nói riêng và truyền thông đại chúng nói chung về vấn đề này.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Làm rõ một số khái niệm: nhu cầu, thông tin, nhu cầu thông tin, sức khỏe sinh sản, vị thành niên, sức khỏe sinh sản vị thành niên.

- Chỉ ra nhu cầu thông tin về sức khỏe sinh sản của lứa tuổi vị thành niên.

- Tìm hiểu những tác động xã hội ảnh hưởng đến nhu cầu thông tin về sức khỏe sinh sản vị thành niên của nhóm thính giả ở độ tuổi vị thành niên.

Phương pháp nghiên cứu:

- Phân tích tài liệu

- Phương pháp phỏng vấn sâu

- Phương pháp quan sát

Cấu trúc luận văn gồm 3 phần:

Phần I: Phần mở đầu

Trong phần này, tác giả đi sâu trình bày các vấn đề như tính cấp thiết của đề tài, mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, giả thuyết và khung lý thuyết, mẫu và kỹ thuật thu thập thông tin.

Phần II: Phần nội dung chính gồm 2 chương

- Chương I: Cơ sở lý luận

- Chương II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Phần III: Kết luận và khuyến nghị

Luận văn bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Cơ sở đào tạo Sau đại học, Viện Xã hội học, ngày 30 tháng 6 năm 2003.

TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

Tạp chí Xã hội học đã nhận được sách của các nhà xuất bản, các tác giả sau đây gửi tặng. Cám ơn các nhà xuất bản, các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

TẠP CHÍ XÃ HỘI HỌC

- **NGÂN HÀNG THẾ GIỚI: Toàn cầu hóa - tăng trưởng và nghèo đói: Xây dựng một nền kinh tế thế giới hội nhập.** Nxb. Văn hóa - Thông tin. 2002, 247 tr.
- **NGUYỄN BÁ NGỌC, TRẦN VĂN HOAN (chủ biên). Toàn cầu hóa: cơ hội và thách thức đối với lao động Việt Nam.** Nxb. Lao động xã hội, 2002, 280 tr.

- S.FREUD, C.JUNG, E.FROMM... ĐỖ THUÝ LẠI (biên soạn). ĐOÀN VĂN CHÚC, TRÍ HẢI, NHƯ HẠNH, HUYỀN GIANG (dịch): **Phân tâm học và văn hóa tâm linh**. Nxb. Văn hóa - Thông tin. 2002. 503 tr.
- ĐỖ LONG, PHAN THỊ MAI HƯỜNG (chủ biên): **Tính cộng đồng, tính cá nhân và “cái tôi” của người Việt Nam hiện nay**. Sách tham khảo. Nxb. Chính trị Quốc gia. 2002, 316 tr.
- K.JANOS, K.EGGLESTON: **Chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Phúc lợi, lựa chọn, đoàn kết trong chuyển đổi, cải cách khu vực y tế ở Đông Âu**. Nxb Văn hóa - Thông tin, 2002, 385 tr.
- J.L. BAKER: **Đánh giá tác động của các dự án phát triển đối nghèo: số tay dành cho cán bộ thực hành**. Nxb. Ngân hàng thế giới. Nxb Văn hóa - Thông tin. 2002, 303 tr.
- PHẠM MINH HẠC, HỒ SĨ QUÝ (chủ biên): **Nghiên cứu con người - đối tượng và những hướng chủ yếu**. Nxb. Khoa học xã hội, 2002, 546 tr.
- VIỆN THÔNG TIN: **Những thách thức của sự phát triển trong xã hội thông tin..** Nxb Thông tin Khoa học xã hội, 2002, 208 tr.
- A.SEN: **Phát triển là quyền tự do**. Nxb. Thống kê, 2002, 363tr.
- TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA: **Toàn cầu hóa và ảnh hưởng đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương**. Hiệp hội các Hội đồng Nghiên cứu Khoa học xã hội Châu Á. Nxb Khoa học xã hội, 2001, 262 tr.
- LÊ NHƯ HOA: **Văn hóa gia đình với việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em**. Nxb Văn hóa thông tin, 2001, 400tr.
- NGUYỄN VĂN KHANG: **Kế hoạch hóa ngôn ngữ**. Nxb Khoa học xã hội, 2003. 498tr.
- NGUYỄN VĂN HUYỀN. **Mấy vấn đề triết học về xã hội và phát triển con người**. Nxb. Chính trị quốc gia, 2002. 284 tr.
- EDGAR MORIN, ANNE BRIGITTE KERN: **Trái đất tổ quốc chung: Tuyên ngôn cho thiên niên kỷ mới**. Nxb. Khoa học xã hội, 2002, 433tr.
- DIỄN ĐÀN KINH TẾ TÀI CHÍNH VIỆT – PHÁP: **Chính sách và chiến lược giảm bất bình đẳng và nghèo khổ**. Nxb. Chính trị quốc gia, 2003, 297tr.
- BRUNO PALIER LOUIS, CHARLES VIOSSAT (chủ biên): **Chính sách xã hội và quá trình toàn cầu hóa**. Nxb Chính trị quốc gia, 2003, 287tr.
- ĐỖ LỘC DIỆP (chủ biên): **Mỹ - Âu - Nhật văn hóa và phát triển**. Nxb Khoa học xã hội, 2003, 459tr.